

THỐNG KÊ SỐ LIỆU SINH VIÊN TỔNG HỢP
(Tính đến ngày 04/01/2021)

TỔNG SỐ SINH VIÊN TOÀN TRƯỜNG		NAM	NỮ	TỔNG SỐ
		13426	2579	16005
STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Cao đẳng - Chuyên nghiệp				
	Khóa 2014CĐ (Nợ môn)	2	0	2
	Khóa 2015CĐ (Nợ môn)	254	6	260
	Khóa 2016CĐ (Nợ môn)	254	12	266
Tổng số		510	18	528
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	18C1-ĐCN1	13	0	13
2	18C1-ĐCN2	32	0	32
3	18C1-ĐCN3	16	0	16
4	18C1-ĐCN4	26	0	26
5	18C1-ĐĐT1	19	0	19
6	18C1-ĐĐT2	21	1	22
7	18C1-ĐĐT3	13	0	13
8	18C1-CĐT1	24	1	25
9	18C1-TĐH1	36	0	36
10	18C1-KML1	7	0	7
11	18C1-KML2	20	0	20
12	18C1-VSL1	11	0	11
13	18C1-VSL2	18	0	18
14	18C1-VSL3	14	0	14
15	18C1-CNL1	14	0	14
16	18C1-CCK1	18	0	18
17	18C1-CCK2	25	0	25
18	18C1-CCK3	37	0	37
19	18C1-CCK4	29	0	29
20	18C1-CCK5	29	0	29
21	18C1-CCK6	25	0	25
22	18C1-CCK7	36	0	36
23	18C1-CTM1	25	0	25
24	18C1-CKL1	9	0	9
25	18C1-BCN1	12	0	12
26	18C1-CNÔ1	21	0	21
27	18C1-CNÔ2	10	0	10
28	18C1-CNÔ3	13	0	13
29	18C1-CNÔ4	14	0	14

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
30	18C1-CNÔ5	17	0	17
31	18C1-CNÔ6	6	0	6
32	18C1-CNÔ7	20	0	20
33	18C1-CNÔ8	18	0	18
34	18C1-CNÔ9	21	0	21
35	18C1-CNÔ10	15	0	15
36	18C1-CNÔ11	16	0	16
37	18C1-CNÔ12	23	0	23
38	18C1-CNÔ13	12	0	12
39	18C1-CNÔ14	16	0	16
40	18C1-CNÔ15	7	0	7
41	18C1-CNÔ16	26	0	26
42	18C1-CNÔ17	25	0	25
43	18C1-CNM1	1	6	7
44	18C1-CMT1	10	0	10
45	18C1-TKĐ1	11	0	11
46	18C1-TMĐ1	1	1	2
47	18C1-THU1	8	0	8
48	18C1-LTM1	8	0	8
49	18C1-LTM2	17	0	17
50	18C1-QTM1	15	0	15
51	18C1-KTD1	1	5	6
52	18C1-KTD2	0	2	2
53	18C1-QTD1	8	3	11
54	18C1-NNA1	9	0	9
55	18C1-KXD1	38	0	38
	Khóa 2017 C1 (Nợ môn)	337	11	348
Tổng số		1273	30	1303

Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022

Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm

1	19C1-ĐCN1	51	0	51
2	19C1-ĐCN2	30	0	30
3	19C1-ĐCN3	25	0	25
4	19C1-ĐĐT1	40	2	42
5	19C1-ĐĐT2	38	0	38
6	19C1-ĐĐT3	32	2	34
7	19C1-CĐT1	40	1	41
8	19C1-TĐH1	52	0	52
9	19C1-KML1	47	0	47
10	19C1-KML2	26	1	27
11	19C1-VSL1	47	0	47
12	19C1-VSL2	30	0	30
13	19C1-LĐL1	22	0	22
14	19C1-CNL1	39	0	39
15	19C1-CCK1	35	1	36
16	19C1-CCK2	37	0	37
17	19C1-CCK3	34	0	34

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
18	19C1-CCK4	37	0	37
19	19C1-CCK5	35	0	35
20	19C1-CCK6	30	0	30
21	19C1-CTM1	48	0	48
22	19C1-BCN1	23	0	23
23	19C1-CNÔ1	29	1	30
24	19C1-CNÔ2	38	0	38
25	19C1-CNÔ3	38	0	38
26	19C1-CNÔ4	40	0	40
27	19C1-CNÔ5	41	0	41
28	19C1-CNÔ6	33	0	33
29	19C1-CNÔ7	35	0	35
30	19C1-CNÔ8	36	0	36
31	19C1-CNÔ9	32	1	33
32	19C1-CNÔ10	40	0	40
33	19C1-CNÔ11	35	0	35
34	19C1-CNÔ12	37	0	37
35	19C1-CNÔ13	30	0	30
36	19C1-CNÔ14	26	0	26
37	19C1-CNÔ15	21	0	21
38	19C1-CNM1	5	30	35
39	19C1-ANM1	12	0	12
40	19C1-CMT1	26	0	26
41	19C1-TKĐ1	38	10	48
42	19C1-TKĐ2	27	4	31
43	19C1-TKW1	21	3	24
44	19C1-LTM1	45	0	45
45	19C1-QTM1	30	0	30
46	19C1-LGT1	18	6	24
47	19C1-KTD1	12	45	57
48	19C1-QTD1	26	24	50
49	19C1-NNA1	12	19	31
50	19C1-KXD1	25	0	25
Tổng số		1606	150	1756
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chính quy 2,5 năm				
1	20C1-ĐCN1	65	0	65
2	20C1-ĐCN2	66	0	66
3	20C1-ĐĐT1	63	0	63
4	20C1-ĐĐT2	61	1	62
5	20C1-CĐT1	70	0	70
6	20C1-TĐH1	48	1	49
7	20C1-TĐH2	42	0	42
8	20C1-KML1	43	0	43
9	20C1-KML2	38	0	38
10	20C1-VSL1	40	0	40
11	20C1-VSL2	35	0	35
12	20C1-LĐL1	41	0	41

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
13	20C1-CNL1	60	0	60
14	20C1-CNL2	60	0	60
15	20C1-CCK1	59	0	59
16	20C1-CCK2	58	0	58
17	20C1-CCK3	58	0	58
18	20C1-CCK4	58	0	58
19	20C1-CCK5	61	0	61
20	20C1-CTM1	57	0	57
21	20C1-CTM2	56	1	57
22	20C1-CTM3	34	0	34
23	20C1-CTK1	20	0	20
24	20C1-CKL1	23	0	23
25	20C1-BCN1	25	0	25
26	20C1-CNÔ1	58	0	58
27	20C1-CNÔ2	57	1	58
28	20C1-CNÔ3	59	0	59
29	20C1-CNÔ4	57	0	57
30	20C1-CNÔ5	58	0	58
31	20C1-CNÔ6	57	0	57
32	20C1-CNÔ7	58	0	58
33	20C1-CNÔ8	59	0	59
34	20C1-CNÔ9	59	0	59
35	20C1-CNÔ10	59	0	59
36	20C1-CNÔ11	58	0	58
37	20C1-CNÔ12	58	0	58
38	20C1-CNÔ13	60	0	60
39	20C1-CNÔ14	59	0	59
40	20C1-CNM1	7	35	42
41	20C1-KLB1	7	5	12
42	20C1-CMT1	54	1	55
43	20C1-TKĐ1	55	9	64
44	20C1-TKĐ2	57	7	64
45	20C1-TKW1	40	3	43
46	20C1-TMĐ1	20	4	24
47	20C1-ĐHĐ1	25	6	31
48	20C1-LTM1	57	1	58
49	20C1-LTM2	47	4	51
50	20C1-QTM1	49	2	51
51	20C1-LGT1	25	3	28
52	20C1-TCD1	17	9	26
53	20C1-KTD1	21	56	77
54	20C1-QTD1	39	32	71
55	20C1-QKS1	20	20	40
56	20C1-QNH1	18	8	26
57	20C1-NNA1	41	33	74
58	20C1-KXD1	36	0	36
59	20C1-QXD1	16	0	16
Tổng số		2708	242	2950

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	19C3-CCK1	28	0	28
2	19C3-CNÔ1	24	0	24
3	19C3-CNÔ2	25	0	25
Tổng số		77	0	77
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao				
1	20C3-ĐĐT1	20	0	20
2	20C3-CCK1	42	0	42
3	20C3-CTM1	21	0	21
4	20C3-CNÔ1	40	0	40
5	20C3-CNÔ2	40	0	40
6	20C3-CNÔ3	40	0	40
Tổng số		203	0	203
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2019				
Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế				
1	19C4-CNÔ1	15	0	15
Tổng số		15	0	15
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao song hành Vinfast				
1	20C5-ĐĐT1	31	0	31
2	20C5-CNÔ1	29	0	29
Tổng số		60	0	60
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật				
1	20C6-ĐĐT1	19	0	19
2	20C6-CNÔ1	32	0	32
3	20C6-CNÔ2	32	0	32
4	20C6-CNÔ3	32	0	32
5	20C6-CNÔ4	31	0	31
Tổng số		146	0	146
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)				
1	19C2-ĐĐT1 (A)	29	0	29
2	19C2-CCK1 (A)	32	0	32
	19C2-CNL1 (A)	12	0	12
3	19C2-CNÔ1 (A)	36	0	36
4	19C2-QTM1 (A)	32	1	33
5	19C2-KTD1 (A)	0	17	17
	19C2-QTD1 (A)	3	12	15
6	19C2-CNÔ2 (B)	13	0	13
	19C2-CNM1 (B)	1	7	8

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
	19C2-ĐĐT3	47	0	47
	19C2-CNL3	18	0	18
	19C2-CCK3	10	0	10
	19C2-CNÔ3	40	0	40
	19C2-CNM2	2	8	10
	19C2-QTM3	35	9	44
	19C2-KTD3	0	1	1
	19C2-QTD3	1	5	6
	Khóa 2015CĐLT (Nợ môn)	1	0	1
	Khóa 2017C2 (Nợ môn)	16	0	16
	Khóa 2018C2 (Nợ môn)	40	2	42
Tổng số		368	62	430

Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022

Cao đẳng - Liên thông (Buổi tối)

1	20C2-ĐCN1	76	0	76
2	20C2-ĐĐT1	45	2	47
3	20C2-LĐL1	43	0	43
	20C2-CNL1	34	0	34
4	20C2-CCK1	52	0	52
5	20C2-CKL1	30	0	30
	20C2-LTM1	29	2	31
6	20C2-CNÔ1	40	0	40
7	20C2-CNÔ2	60	0	60
8	20C2-CNÔ3	57	1	58
9	20C2-CNM1	5	23	28
10	20C2-THU1	35	13	48
	20C2-TKW1	20	0	20
11	20C2-QTM1	47	4	51
	20C2-CMT1	21	0	21
12	20C2-KTD1	8	30	38
13	20C2-QTD1	29	17	46
14	20C2-NNA1	22	29	51
Tổng số		653	121	774

Cao đẳng nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm

1	Khóa 2015CĐN (Nợ môn)	12	1	13
2	Khóa 2016CĐN (Nợ môn)	9	5	14
Tổng số		21	6	27

Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp_2N3

1	Khóa 2014TC Trung cấp (Nợ môn)	61	3	64
2	Khóa 2015TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	48	0	48
3	Khóa 2016TN-TCT Trung cấp (Nợ môn)	70	2	72
Tổng số		179	5	184

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Trung cấp chuyên nghiệp - Chuyên nghiệp (9+3)				
1	Khóa 2015TC (Nợ môn)	21	0	21
2	Khóa 2016TC (Nợ môn)	42	16	58
Tổng số		63	16	79
Trung cấp nghề - (Niên chế) - Chính quy 3 năm				
1	Khóa 2015TCN (Nợ môn)	110	22	132
2	Khóa 2016TCN (Nợ môn)	157	17	174
Tổng số		267	39	306
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1N3				
1	19T2-ĐCN1	21	0	21
2	19T2-CCK1	13	0	13
3	19T2-CNÔ1	41	0	41
4	19T2-QTM1	27	3	30
	Khóa 2017T2 Trung cấp (Nợ môn)	41	2	43
	Khóa 2018T2 Trung cấp (Nợ môn)	18	0	18
Tổng số		161	5	166
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	20T2-ĐCN1	42	4	46
Tổng số		42	4	46
Khóa: 2017 Niên khóa: 2017-2020				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	17T4-ĐCN1	36	0	36
2	17T4-ĐĐT1	27	1	28
3	17T4-ĐTC1	12	1	13
4	17T4-LĐL1	40	0	40
5	17T4-CNL1	27	0	27
6	17T4-CCK1	42	0	42
7	17T4-CKL1	9	0	9
8	17T4-CNÔ1	41	0	41
	17T4-CNÔ2	34	0	34
	17T4-CNÔ3	37	0	37
9	17T4-CNM1	4	23	27
10	17T4-CMT1	20	0	20
11	17T4-TKW1	20	0	20
12	17T4-THU1	31	11	42
13	17T4-LTM1	28	2	30
14	17T4-QTM1	40	2	42
15	17T4-KTD1	5	23	28
16	17T4-QTD1	25	16	41
17	17T4-NNA1	21	26	47
Tổng số		499	105	604

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	18T4-ĐCN1	50	0	50
2	18T4-ĐĐT1	36	0	36
3	18T4-CĐT1	35	0	35
4	18T4-KML1	28	0	28
5	18T4-VSL1	37	0	37
6	18T4-VSL2	37	0	37
7	18T4-CCK1	52	0	52
8	18T4-CKC1	22	0	22
9	18T4-CNÔ1	32	0	32
10	18T4-CNÔ2	33	0	33
11	18T4-CNÔ3	36	0	36
12	18T4-CNÔ4	39	0	39
13	18T4-CNÔ5	32	0	32
14	18T4-CNM1	7	36	43
15	18T4-ANM1	27	3	30
16	18T4-CMT1	47	0	47
17	18T4-TKĐ1	29	12	41
18	18T4-TKĐ2	23	8	31
19	18T4-TKW1	24	5	29
20	18T4-THU1	30	10	40
21	18T4-LTM1	32	1	33
22	18T4-LTM2	26	4	30
23	18T4-QTM1	37	1	38
24	18T4-TCD1	6	9	15
25	18T4-KTD1	5	38	43
26	18T4-QTD1	8	21	29
27	18T4-QTD2	8	22	30
28	18T4-NNA1	16	24	40
29	18T4-NNA2	12	29	41
30	18T4-NNA3	14	21	35
31	18T4-KXD1	17	0	17
Tổng số		837	244	1081
Khóa: 2019 Niên khóa: 2019-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	19T4-ĐCN1	34	0	34
2	19T4-ĐCN2	31	0	31
3	19T4-ĐĐT1	30	0	30
4	19T4-ĐĐT2	26	1	27
5	19T4-CĐT1	37	0	37
6	19T4-KML1	43	0	43

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
7	19T4-VSL1	26	0	26
8	19T4-VSL2	30	0	30
9	19T4-LĐL1	39	0	39
10	19T4-CCK1	56	0	56
11	19T4-CKC1	48	0	48
12	19T4-CKC2	27	0	27
13	19T4-CNÔ1	50	0	50
14	19T4-CNÔ2	50	0	50
15	19T4-CNÔ3	51	0	51
16	19T4-CNÔ4	54	0	54
17	19T4-CNÔ5	52	0	52
18	19T4-CNM1	2	42	44
19	19T4-ANM1	19	1	20
20	19T4-ANM2	24	2	26
21	19T4-CMT1	48	1	49
22	19T4-CMT2	22	1	23
23	19T4-TKĐ1	32	19	51
24	19T4-TKĐ2	27	25	52
25	19T4-TKW1	42	9	51
26	19T4-TMĐ1	9	9	18
27	19T4-THU1	39	14	53
28	19T4-LTM1	43	6	49
29	19T4-LTM2	46	3	49
30	19T4-QTM1	54	4	58
31	19T4-LGT1	16	8	24
32	19T4-TCD1	15	17	32
33	19T4-KTD1	4	46	50
34	19T4-KTD2	14	31	45
35	19T4-QTD1	22	31	53
36	19T4-NNA1	20	30	50
37	19T4-NNA2	15	33	48
38	19T4-NNA3	19	27	46
39	19T4-KXD1	27	2	29
Tổng số		1243	362	1605
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2023				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm				
1	20T4-ĐCN1	45	0	45
2	20T4-ĐCN2	44	0	44
3	20T4-ĐĐT1	54	0	54
4	20T4-CĐT1	41	0	41
5	20T4-CĐT2	37	0	37
6	20T4-TĐH1	39	0	39
7	20T4-KML1	65	0	65
8	20T4-VSL1	46	0	46

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
9	20T4-VSL2	46	0	46
10	20T4-LĐL1	50	0	50
11	20T4-CNL1	27	0	27
12	20T4-CCK1	57	1	58
13	20T4-CCK2	54	0	54
14	20T4-CKC1	49	0	49
15	20T4-CKC2	48	0	48
16	20T4-CKL1	25	0	25
17	20T4-CNÔ1	56	0	56
18	20T4-CNÔ2	58	0	58
19	20T4-CNÔ3	57	0	57
20	20T4-CNÔ4	58	0	58
21	20T4-CNÔ5	58	0	58
22	20T4-CNM1	6	44	50
23	20T4-KLB1	15	47	62
24	20T4-ANM1	35	2	37
25	20T4-CMT1	39	1	40
26	20T4-CMT2	37	0	37
27	20T4-TKĐ1	29	22	51
28	20T4-TKĐ2	37	12	49
29	20T4-TKĐ3	38	9	47
30	20T4-TKW1	56	7	63
31	20T4-TMĐ1	28	9	37
32	20T4-ĐHĐ1	46	21	67
33	20T4-THU1	58	6	64
34	20T4-LTM1	51	6	57
35	20T4-LTM2	40	1	41
36	20T4-QTM1	47	2	49
37	20T4-QTM2	34	3	37
38	20T4-LGT1	23	22	45
39	20T4-TCD1	26	38	64
40	20T4-KTD1	5	35	40
41	20T4-KTD2	9	28	37
42	20T4-QTD1	20	26	46
43	20T4-QTD2	19	26	45
44	20T4-QDL1	18	40	58
45	20T4-QKS1	25	39	64
46	20T4-QLH1	12	16	28
47	20T4-QNH1	22	34	56
48	20T4-NNA1	23	30	53
49	20T4-NNA2	27	27	54
50	20T4-NNA3	30	12	42
51	20T4-KXD1	47	0	47
Tổng số		1916	566	2482

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2022				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm (GDTX)				
1	20T3-ĐCN1TU	21	0	21
2	20T3-CNÔ1CK	32	10	42
3	20T3-CNÔ1CT	32	0	32
4	20T3-CNÔ1Q7	39	3	42
5	20T3-KLB1BP	4	28	32
6	20T3-KLB1CĐ	9	48	57
7	20T3-KLB1DA	5	30	35
8	20T3-KLB1Q7	43	62	105
9	20T3-KLB1TN	24	25	49
10	20T3-KLB2CĐ	26	31	57
11	20T3-TKĐ1TU	17	15	32
12	20T3-THU1CT	20	20	40
13	20T3-THU1TA	18	23	41
14	20T3-THU2TA	37	10	47
15	20T3-THU3TA	22	25	47
16	20T3-QTM1DA	29	2	31
17	20T3-QTM1Q4	53	49	102
18	20T3-QTM1Q7	25	21	46
19	20T3-KTD1TU	6	39	45
20	20T3-QDL1TN	13	10	23
21	20T3-QKS1BP	15	17	32
22	20T3-QKS1CT	11	25	36
23	20T3-QKS1Q7	28	60	88
24	20T3-NNA1DA	6	46	52
Tổng số		535	599	1134
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2019				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm(Buổi tối)				
1	18T5-ĐCN1 (Nợ môn)	1	0	1
Tổng số		1	0	1
Khóa: 2020 Niên khóa: 2020-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 1 năm(Buổi tối)				
1	20T5-THU1	6	3	9
Tổng số		6	3	9
Khóa: 2018 Niên khóa: 2018-2021				
Trung cấp - (Tín chỉ) - Chính quy 3 năm(Buổi tối)				
1	18T7-ĐCN1	37	2	39
Tổng số		37	2	39

STT	Lớp	Nam	Nữ	Tổng số
-----	-----	-----	----	---------

1	Cao đẳng	6537		
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	280		
3	Cao đẳng - Trọng điểm quốc tế	15		
4	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	60		
5	Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	146		
6	Cao đẳng Liên thông (Buổi tối)	1204		
7	Cao đẳng nghề (12+3)	27		
8	Trung cấp chuyên nghiệp (12+2) & 2N3	184		
9	Trung cấp chuyên nghiệp (9+3)	79		
10	Trung cấp nghề (9+4)	306		
11	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	212		
12	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	5772		
13	Trung cấp - (Tín chỉ) 3 năm (GDTX)	1134		
14	Trung cấp - (Tín chỉ) - 1 năm (Buổi tối)	10		
15	Trung cấp - (Tín chỉ) - 3 năm (Buổi tối)	39		
TỔNG CỘNG =		16005		329 Lớp

Trong đó: Tuyển mới 2020-2021 = 7804

1	Cao đẳng	2950
2	Cao đẳng - Chất lượng cao	203
3	Cao đẳng - CLC song hành Vinfast	60
4	Cao đẳng - Chất lượng cao TTTN Nhật	146
5	Cao đẳng Liên thông	774
6	Trung cấp (Tín chỉ) 3 năm	2482
7	Trung cấp (Tín chỉ) 1N3	46
8	Trung cấp - (Tín chỉ) 3 năm (GDTX)	1134
9	Trung cấp - (Tín chỉ) - 1 năm (Buổi tối)	9

TRƯỞNG PHÒNG TTGD-CTSV



Lê Xuân Thiện

TP. HCM, ngày 04 tháng 01 năm 2021

HIỆU TRƯỞNG



Phạm Hữu Lộc